

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/LĐ-PT

Ngày 19/01/2024

V/v: Tranh chấp về quyền, lợi ích liên
quan đến việc làm, tiền lương; về bảo
hiểm xã hội theo quy định của pháp luật
về bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Sơn; Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/01 và 19/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc
Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-LĐ ngày 08
tháng 01 năm 2023 về việc “tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm,
tiền lương; về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023
của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐPT-LĐ
ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Quách Thiện H, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: Tổ 4,
C, phường Châu Phú B, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Công ty Luật TNHH LTT & các
cộng sự; Địa chỉ: Số 185, tầng 3, phường C, phường C, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, bà Trần Thị
Hương Giang, bà Lê Thu Trang; Cùng địa chỉ: Công ty Luật TNHH LTT & các
cộng sự; Cùng địa chỉ: Phòng 305, số 17T3 H, phường T, quận C, thành phố Hà
Nội (đều có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần V; Địa chỉ: Số 10, LK10, đường V 4, phường V,
thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức A - chức vụ: Giám đốc
(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng T - chức vụ: Phó Giám đốc (vắng mặt).

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:
Nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2020, anh Quách Thiện H và Công ty Cổ phần V (đại diện là ông Hoàng Đức A, chức vụ: Giám đốc) ký kết Hợp đồng lao động số 01012020QTH/HĐLĐ-V với thời hạn là 12 tháng. Theo nội dung Hợp đồng, anh H đảm nhiệm chức vụ Quản lý kinh doanh máy kéo và công cụ, địa điểm làm việc tại “Chi nhánh Cần Thơ và các tỉnh Miền Tây” với mức lương là 26.900.000VNĐ. Với nội dung công việc của anh H bao gồm: Quản lý và điều hành bộ phận theo đúng quy định và trách nhiệm được giao; Hoàn thành các chỉ tiêu ban giám đốc công ty đưa ra; chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về mọi hoạt động kinh doanh của bộ phận; Hoàn thành các chỉ tiêu về bán hàng và dịch vụ sau bán hàng; Chăm sóc khách hàng và tìm kiếm khách hàng; Tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả của toàn bộ công việc, báo cáo định kỳ với quản lý trực tiếp và ban lãnh đạo công ty tối thiểu một tháng một lần; Các công việc khác khi có yêu cầu.

Do đến nay Công ty vẫn chưa thành lập chi nhánh ở Cần Thơ và các tỉnh Miền Tây nên trên thực tế, công việc của anh chủ yếu là lập kế hoạch thành lập hệ thống các chi nhánh tại Miền Tây và đánh giá thị trường, lên kế hoạch bán hàng theo chỉ thị của ông Vũ Hoàng T, thành viên ban lãnh đạo Công ty.

Từ ngày 03/12/2019, trước khi các bên chính thức ký kết hợp đồng lao động, anh H đã trực tiếp hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể: Ngày 03/12/2019, báo cáo thông tin thu thập về đối thủ cạnh tranh của Công ty tại thị trường Cần Thơ và các tỉnh Miền Tây. Ngày 09/12/2019, triển khai ký kết Hợp đồng đại lý với Công ty TNHH Máy Nông nghiệp Hữu Phước. Ngày 09/12/2019, trình bày trực tiếp với ban lãnh đạo Công ty về kế hoạch triển khai công việc chi nhánh Cần Thơ và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Ngày 10/12/2019, báo cáo về đặc trưng khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và khái quát thông tin các đối thủ cạnh tranh. Ngày 20/12/2019, báo cáo phân tích các địa điểm khảo sát đặt phòng trưng bày sản phẩm. Ngày 10/01/2020, hoàn thành kế hoạch triển khai chi nhánh. Ngày 15/01/2020, hoàn thành kế hoạch xúc tiến bán hàng tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Ngày 03/02/2020, đàm phán và báo cáo kết quả đàm phán thuê mặt bằng đặt tổ hợp văn phòng chi nhánh, phòng trưng bày, kho hàng tại thành phố Cần Thơ. Các công việc hoàn thành ở trên đều được anh H báo cáo đến ban lãnh đạo Công ty qua email hoặc qua zalo. Các kết quả công việc đều được ban lãnh đạo Công ty tiếp nhận và chấp nhận mà không có bất cứ ý kiến phản hồi nào khác, đồng thời vẫn tiếp tục có các chỉ thị, yêu cầu thực hiện các công việc. Mặc dù vậy, đến nay, từ thời điểm ký kết

Hợp đồng, Công ty vẫn chưa chi trả cho anh H bất cứ khoản tiền lương cũng không tham gia bảo hiểm cho anh. Đến nay, anh H cũng chưa nhận được bất kỳ văn bản, quyết định nào của Công ty về việc chấm dứt Hợp đồng cũng như không có bất cứ vi phạm nội quy, quy chế nào của Công ty bị xử lý kỷ luật.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, người đại diện được uỷ quyền hợp pháp của anh H đã gửi Đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố B để yêu cầu hoà giải tranh chấp giữa anh H và Công ty cổ phần V. Tuy nhiên, Công ty V không tham gia hòa giải nên Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố B không tiến hành hòa giải được.

Nay ông Quách Thiện H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Công ty phải ngay lập tức chấm dứt hành vi vi phạm nghĩa vụ trả lương cho người lao động.

2. Công ty phải thanh toán lại cho anh H toàn bộ tiền lương bao gồm cả thời gian thử việc trước khi ký kết Hợp đồng lao động, bắt đầu từ ngày 03/12/2019 và trả thêm khoản tiền bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố, gồm:

- Tiền lương thử việc từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 31/12/2019 là: 21.912.292 đồng.

- Tiền lương và khoản trả thêm từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020 là: 323.812.292 đồng

Tổng số tiền là: 323.925.391 đồng.

3. Công ty phải lập hồ sơ và tham gia bảo hiểm đầy đủ theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/01/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty V phải thanh toán cho anh H tổng số tiền là: 301.155.818 đồng, gồm:

1. Tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020 là: 295.900.000 đồng

2. Tiền lãi chậm thanh toán tính theo lãi suất tiền gửi ngân hàng là 4,25% là: 5.255.818 đồng.

Phía bị đơn Công ty cổ phần V trình bày: Ngày 14/3/2021, Công ty cổ phần V (đại diện là ông Hoàng Đức A – Giám đốc) có uỷ quyền cho ông Vũ Hoàng T – Phó giám đốc với nội dung làm việc với Tòa án nhân dân thành phố B, có toàn quyền quyết định giải quyết các công việc liên quan đến Đơn khởi kiện của Quách Thiện H, sinh năm 1979, HKTT: tổ 4, C, phường Châu Phú B, thành phố C, tỉnh An Giang và gửi giấy giới thiệu đến Tòa án nhân dân thành phố B. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành triệu tập, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng tại trụ sở của Công ty là số 10, KL10, V 4, phường V, thành phố B và chỉ có chị Thái Thị Tú (làm hành chính, kế toán) nhận hộ. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản theo quy định.

Ngày 5/12/2022, Tòa án tiến hành xác minh với Công an phường V, thành phố B được biết: Qua trao đổi nội dung yêu cầu xác minh, qua kiểm tra thực tế tại nhà số 10LK10, V 4, phường V, thành phố B, Cảnh sát khu vực và cán bộ Tòa án trực tiếp đến kiểm tra thấy hiện nay tại địa chỉ Công ty Cổ phần V đăng ký ở số nhà 10 LK10, V 4, phường V hiện là nhà riêng của gia đình chị Nguyễn Thị Phương quê ở Hải Phòng và không có bất cứ đơn vị kinh doanh hay cá nhân nào thuê nhà làm văn phòng giao dịch. Hiện Công ty Cổ phần V không có mặt tại địa chỉ xác minh trên.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ các Điều 5, 6, 15, 17, 22, 23, 25, 30, 90, 96, khoản 1 Điều 98, 200, 202 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 99, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử:

1. Buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán cho anh Quách Thiện H số tiền lương chưa thanh toán theo Hợp đồng lao động số 01012020QTH/HĐLD-V ngày 01/01/2020 và khoản trả thêm một khoản tiền bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương, cụ thể như sau:

- Tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020 là: 295.900.000 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020 theo lãi suất tiền gửi ngân hàng là 4,25% là: 5.255.818 đồng.

Tổng số tiền là: 301.155.818 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu:

- Tiền lương thử việc từ ngày 3/12/2019 đến hết ngày 31/12/2019 là: 21.912.292 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tiền lương thử việc theo lãi suất tiền gửi ngân hàng là 4,25% là: 857.281 đồng, tổng: 22.769.573 đồng.

- Buộc Công ty V ngay lập tức chấm dứt hành vi vi phạm nghĩa vụ trả lương cho người lao động (anh Quách Thiện H).

- Buộc Công ty V phải lập hồ sơ và tham gia bảo hiểm đầy đủ cho anh Quách Thiện H theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

Trong phần tranh luận, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, phân tích những nội dung mà VKSND tp Bắc Ninh kháng nghị và

đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời, gửi luận cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm được xem xét, quyết định khi Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Thứ nhất, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B cho rằng Tòa án chưa xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn, vi phạm Điều 68, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự và vi phạm trong việc cấp, tổng đạt; vi phạm Điều 178, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn khi khởi kiện đã nộp kèm theo đơn khởi kiện Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 24/05/2017 cho Công ty Cổ phần V. Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859450 thể hiện ông Hoàng Đức A; chức vụ: Giám đốc; căn cước công dân số: 001093012713; có địa chỉ thường trú tại: Thôn Dương Danh, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V, ngày 14/3/2021, ông Hoàng Đức A đã ủy quyền cho ông Vũ Hoàng T; chức vụ: Phó Giám đốc của Công ty Cổ phần V được toàn quyền quyết định giải quyết các công việc liên quan đến đơn khởi kiện của ông Quách Thiện H với thời hạn ủy quyền kể từ ngày ký cho đến khi hoàn tất các thủ tục liên quan và giải quyết xong vụ án. Kèm theo giấy ủy quyền còn có giấy giới thiệu đề ngày 08/4/2021 về việc cử ông Thành đến làm việc tại Tòa án.

Như vậy, ông Hoàng Đức A đã nắm rõ thông tin về việc ông Quách Thiện H khởi kiện Công ty Cổ phần V tại Tòa án và ủy quyền cho ông Vũ Hoàng T, chức vụ: Phó Giám đốc tham gia tố tụng tại Tòa án là hoàn toàn tự nguyện. Việc

ủy quyền này là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 68, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, trong hồ sơ khởi kiện, phía nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ, chính xác địa chỉ của bị đơn theo địa chỉ ghi trên Hợp đồng lao động đã ký kết giữa các bên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn. Tuy nhiên, qua xác minh, được biết Công ty Cổ phần V không hoạt động kinh doanh theo đúng địa chỉ đã đăng ký và cũng không thông báo về việc thay đổi địa chỉ trụ sở cho nguyên đơn cũng như Tòa án biết. Bị đơn đã cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo thông tin được cung cấp, xác minh và giải quyết vụ việc với các đương sự của vụ án, trong đó có người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tham gia phiên tòa với giấy tờ xác minh tư cách tham gia tố tụng hợp pháp. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bị đơn; không vi phạm các Điều 68, 85, 86, 178 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ hai, tại quyết định kháng nghị cho rằng Tòa án chưa thu thập tài liệu chứng cứ, chưa đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, vi phạm Điều 106, 108 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối chiếu với Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về các trường hợp hợp đồng vô hiệu thì Hợp đồng lao động ký kết giữa ông Hoà và Công ty Cổ phần V không thuộc các trường hợp bị vô hiệu. Do đó, nhận định của Tòa án rằng Hợp đồng lao động trên là hợp pháp, phát sinh hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Sau khi giao kết Hợp đồng lao động số: 01012020QTH/HĐLĐ-V ngày 01/1/2020, ông Hoà đã làm việc theo đúng các nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng và các công việc theo chỉ thị của ông Vũ Hoàng T là thành viên ban lãnh đạo Công ty Cổ phần V. Công ty Cổ phần V cũng chưa từng tiến hành xử lý kỷ luật lao động hoặc yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh H vì bất cứ lý do gì. Đồng thời, anh H đã thực hiện việc báo cáo kết quả công việc của mình trong quá trình làm việc tại Công ty Cổ phần V thông qua thư điện tử, tin nhắn Zalo. Ban lãnh đạo của Công ty Cổ phần V đã tiếp nhận, chấp nhận mà không đưa ra bất kỳ ý kiến phản hồi nào, ngược lại phía Công ty còn tiếp tục đưa ra các chỉ thị, yêu cầu thực hiện công việc khác cho anh H. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh H cũng đã cung cấp các nội dung tin nhắn, Email liên lạc với các nhân sự của Công ty Cổ phần V thể hiện việc trao đổi công việc mà anh H được phân công, yêu cầu thực hiện.

Mặt khác, phía bị đơn có thái độ không hợp tác, không chấp hành, không trình bày lời khai, chứng cứ, không có mặt tại phiên xét xử sơ thẩm. Điều này

cho thấy phía bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh, tự bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có thể xem xét yêu cầu dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chứng minh anh H không hoàn thành công việc theo thoả thuận tại Hợp đồng lao động. Thực tế ông Hoà đã thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình theo giao kết tại hợp đồng. Việc Công ty Cổ phần V không thanh toán tiền lương cho ông Hoà là vi phạm nguyên tắc trả lương được quy định tại Điều 96 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, Tòa án xác định nghĩa vụ của Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho ông Hoà số tiền lương chưa thanh toán theo Hợp đồng lao động số 01012020QTH/HĐLD-V là có căn cứ.

Căn cứ Điều 95 Bộ luật lao động về kỳ hạn trả lương, người lao động có thể được hưởng lương giờ, ngày, tuần; hưởng lương theo tháng; hoặc hưởng lương theo sản phẩm, theo khoán; không có hình thức trả lương theo năm. Về bản chất, trả lương khoán là trường hợp người lao động hưởng lương theo thoả thuận của hai bên, phụ thuộc vào khối lượng công việc và thời gian hoàn thành. Song, theo Hợp đồng, anh H có nghĩa vụ *“Tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả của toàn bộ công việc, báo cáo định kỳ với quản lý trực tiếp và Ban lãnh đạo công ty tối thiểu mỗi tháng một lần”*. Đồng thời, mức lương trả cho anh H là 26.900.000 đồng. Vì vậy, mặc dù Hợp đồng không nêu rõ kỳ hạn trả lương, tuy nhiên có thể hiểu đây là mức lương hưởng theo tháng như tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Mặt khác, đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 3; Điều 4 và Phụ lục Nghị định 90/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 quy định về mức lương tối thiểu vùng, mức lương tối thiểu mà anh H được hưởng là 3.920.000 đồng/tháng. Theo đó, giả sử mức lương 26.900.000 đồng là mức lương cho 12 tháng, tức 2.241.667 đồng/tháng là không phù hợp với quy định về mức lương tối thiểu vùng. Như vậy, việc phía nguyên đơn khẳng định số tiền 26.900.000 đồng là mức lương của 01 tháng theo thoả thuận tại Hợp đồng lao động là có căn cứ.

Ngoài ra, ngày 18/6/2020, nguyên đơn đã gửi Đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố B để yêu cầu hòa giải tranh chấp giữa nguyên đơn và Công ty Cổ phần V nhưng không tiến hành hòa giải được do Công ty Cổ phần V không tham gia hòa giải. Theo đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động nêu trên là đúng trình tự, thủ tục.

Như vậy, việc bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020 là có căn cứ, không vi phạm Điều 106, 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thứ ba, đối với kháng nghị cho rằng Tòa án vi phạm trong việc lựa chọn, áp dụng pháp luật, vi phạm Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét

xử nhận thấy: Trong quá trình thử việc, từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 31/12/2019 và kể từ khi bắt đầu làm việc chính thức theo Hợp đồng lao động từ ngày 01/01/2020, anh H vẫn thực hiện các công việc được Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần V yêu cầu và không có ý kiến phản hồi nào khác nhưng Công ty lại không trả lương, dẫn đến việc ông Hoà phải ngừng việc, không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Do đó, có căn cứ để xác định anh H ngừng việc là hoàn toàn do lỗi của Công ty Cổ phần V.

Tại khoản 1 Điều 99 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định trường hợp người lao động phải ngừng việc do lỗi của người sử dụng lao động thì người lao động được người sử dụng lao động trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động. Theo đó, bản án sơ thẩm đã xác định Công ty Cổ phần V phải thanh toán tiền lương cho anh H theo Hợp đồng đã giao kết là có căn cứ, không vi phạm Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ tư, đối với kháng nghị cho rằng Tòa án đã vi phạm trong việc thu thập chứng cứ, xác định tiền lãi chậm thanh toán tiền lương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại khoản 4 Điều 97 Bộ luật Lao động 2019 quy định như sau: *“Trong trường hợp trả lương chậm từ 15 ngày trở lên thì người sử dụng lao động phải đền bù cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng số tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng do ngân hàng nơi người sử dụng lao động mở tài khoản trả lương cho người lao động công bố tại thời điểm trả lương”*. Theo đó, nếu công ty trả lương cho người lao động chậm từ 15 ngày trở lên phải có trách nhiệm trả thêm tiền lãi cho người lao động cho số tiền chậm trả. Khi đó, mức lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại thời điểm trả lương của ngân hàng mà doanh nghiệp mở tài khoản trả lương người lao động. Như vậy, hiện nay, việc tính lãi chậm lương toàn bộ sẽ được áp dụng theo mức lãi của ngân hàng mà doanh nghiệp mở tài khoản trả lương cho người lao động.

Theo Quyết định số 1124/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 16/6/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 19/6/2023 thì mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 4,75%/năm, tức 0,4%/tháng. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định lãi suất ở mức 4,25%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn, thấp hơn mức lãi suất theo quy định là 4,75%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đối chiếu với các quy định, đồng thời phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nguyên đơn, mức lãi suất mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định ở mức 4,25%/năm là hoàn toàn có căn cứ.

Theo đó, Công ty Cổ phần V phải trả cho nguyên đơn là anh Quách Thiện H số tiền lương tính từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020 là: 295.900.000 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020 theo lãi suất tiền gửi ngân hàng là 4,25% là: 5.255.818 đồng. Tổng số tiền là: 301.155.818 đồng như bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

Thứ năm, đối với kháng nghị cho rằng Tòa án vi phạm trong việc xác định án phí Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án này, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là người lao động nên xác định bị đơn là người sử dụng lao động phải chịu án phí. Căn cứ danh mục án phí, lệ phí tại điểm b, mục 1.5, II án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch từ trên 6 triệu đồng đến dưới 400 triệu đồng là “3% giá trị tranh chấp”. Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 301.155.818 đồng mà xác định án phí Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.000.000đ là không chính xác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc xác định án phí, do đó, cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 5, 6, 15, 17, 22, 23, 25, 30, 90, 96, khoản 1 Điều 98, 200, 202 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 99, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho anh Quách Thiện H số tiền lương chưa thanh toán theo Hợp đồng lao động số 01012020QTH/HĐLĐ-V ngày 01/01/2020 và khoản trả thêm một khoản tiền bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương, cụ thể như sau:

- Tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020 là: 295.900.000 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán tiền lương từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020 theo lãi suất tiền gửi ngân hàng là 4,25% là: 5.255.818 đồng.

Tổng số tiền là: 301.155.818 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu:

- Tiền lương thử việc từ ngày 3/12/2019 đến hết ngày 31/12/2019 là: 21.912.292 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tiền lương thử việc theo lãi suất tiền gửi ngân hàng là 4,25% là: 857.281 đồng, tổng: 22.769.573 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần V ngay lập tức chấm dứt hành vi vi phạm nghĩa vụ trả lương cho anh Quách Thiện H.

- Buộc Công ty Cổ phần V phải lập hồ sơ và tham gia bảo hiểm đầy đủ cho anh Quách Thiện H theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2020.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần V phải chịu 9.034.600 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tp B;
- Chi cục THADS tp B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, TT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình